

Số: 737/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy  
chương trình đào tạo chất lượng cao (TABP) đợt tháng 3 năm 2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế quản lý học vụ chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng họp xét tốt nghiệp số 407/BB-ĐHNH, ngày 28/03/2024 và Tờ trình số 104/TTr-ĐHNH-PĐT ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Trưởng phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp cho 101 sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao (TABP) đợt tháng 3 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

**Điều 2.** Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PĐT, Ban CLC.



PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO (TABP)  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2024**

(Bản hành kèm theo Quyết định số: 737/QĐ-ĐHNH, ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng)



| STT | Mã SV        | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|--------|------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
|     |              |                  |        |            |           |           | Hệ 10                     | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |         |
| 1   | 030633170358 | Lê Thị Hồng      | Nhung  | 16/01/1999 | Nữ        | HQ5-GE12  | 6.55                      | 2.62 | 129   | Kế toán               | Khá      | K5   |         |
| 2   | 030805170236 | Nguyễn Thị Minh  | Nguyệt | 22/12/1999 | Nữ        | HQ5-GE12  | 7.26                      | 2.90 | 129   | Kế toán               | Khá      | K5   |         |
| 3   | 030805170271 | Nguyễn Hồng      | Khánh  | 05/07/1999 | Nam       | HQ5-GE11  | 6.30                      | 2.52 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K5   |         |
| 4   | 030805170223 | Huỳnh Hoài       | Trinh  | 27/04/1999 | Nữ        | HQ5-GE03  | 7.14                      | 2.86 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |         |
| 5   | 030805170340 | Trần Lý Huỳnh    | Đức    | 13/02/1999 | Nam       | HQ5-GE08  | 6.39                      | 2.56 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |         |
| 6   | 030805170384 | Lê Nhật Quỳnh    | Linh   | 04/11/1999 | Nữ        | HQ5-GE08  | 7.20                      | 2.88 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K5   |         |
| 7   | 050606180104 | Phạm Thị Ngọc    | Hiền   | 09/06/2000 | Nữ        | HQ6-GE01  | 8.38                      | 3.35 | 129   | Kế toán               | Giỏi     | K6   |         |
| 8   | 050606180150 | Đoàn Thiên       | Kim    | 30/05/2000 | Nữ        | HQ6-GE01  | 7.82                      | 3.13 | 129   | Kế toán               | Khá      | K6   |         |
| 9   | 050606180027 | Lê Thị Ngọc      | Ánh    | 26/05/2000 | Nữ        | HQ6-GE02  | 7.77                      | 3.11 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 10  | 050606180259 | Huỳnh Trần Khôi  | Nguyên | 23/11/1999 | Nam       | HQ6-GE03  | 7.02                      | 2.81 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 11  | 050606180447 | Nguyễn Thị Ngọc  | Vân    | 10/09/2000 | Nữ        | HQ6-GE03  | 7.94                      | 3.18 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 12  | 050606180465 | Hứa Nguyễn Hương | Xuân   | 23/02/2000 | Nữ        | HQ6-GE03  | 7.20                      | 2.88 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 13  | 050606180073 | Trần Thị Thùy    | Dương  | 15/08/2000 | Nữ        | HQ6-GE08  | 7.49                      | 3.00 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 14  | 050606180160 | Lâm Quang        | Khánh  | 17/04/2000 | Nam       | HQ6-GE09  | 7.75                      | 3.10 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 15  | 050606180246 | Hoàng Thị Kim    | Ngọc   | 02/01/2000 | Nữ        | HQ6-GE09  | 7.08                      | 2.83 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 16  | 050606180477 | Vũ Minh          | Anh    | 20/7/2000  | Nữ        | HQ6-GE11  | 7.19                      | 2.87 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 17  | 050606180478 | Nguyễn Thị Thủy  | Tiên   | 01/01/2000 | Nữ        | HQ6-GE12  | 7.72                      | 3.09 | 129   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K6   |         |
| 18  | 050606180077 | Lê Phúc          | Đạt    | 14/10/2000 | Nam       | HQ6-GE04  | 6.79                      | 2.72 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |         |
| 19  | 050606180158 | Trần Duy         | Khang  | 28/09/2000 | Nam       | HQ6-GE04  | 7.21                      | 2.88 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |         |
| 20  | 050606180215 | Hồ Trần Nhật     | Nam    | 18/10/2000 | Nam       | HQ6-GE04  | 7.45                      | 2.98 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |         |





| STT | Mã SV        | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|--------|------------|-----------|-----------|---------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
|     |              |                   |        |            |           |           | Hệ 10                     | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |         |
| 21  | 050606180294 | Hoàng Tấn         | Phát   | 03/08/2000 | Nam       | HQ6-GE04  | 7.48                      | 2.99 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |         |
| 22  | 050606180172 | Nguyễn Thành      | Lâm    | 04/03/2000 | Nam       | HQ6-GE10  | 7.49                      | 3.00 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K6   |         |
| 23  | 050606180263 | Phạm Phúc         | Nguyên | 22/12/2000 | Nam       | HQ6-GE10  | 8.07                      | 3.23 | 129   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K6   |         |
| 24  | 050607190279 | Nguyễn Thị Hoàng  | Nga    | 20/04/2001 | Nữ        | HQ7-GE01  | 7.67                      | 3.07 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |         |
| 25  | 050607190300 | Trịnh Thu         | Ngân   | 03/01/2001 | Nữ        | HQ7-GE01  | 7.92                      | 3.17 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |         |
| 26  | 050607190462 | Phạm Ngọc Lan     | Thanh  | 10/10/2001 | Nữ        | HQ7-GE01  | 7.24                      | 2.90 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |         |
| 27  | 050607190254 | Tổng Hiền         | Mai    | 17/09/2001 | Nữ        | HQ7-GE06  | 7.80                      | 3.12 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |         |
| 28  | 050607190586 | Quách Mỹ          | Trinh  | 05/09/2001 | Nữ        | HQ7-GE08  | 7.86                      | 3.14 | 130   | Kế toán               | Khá      | K7   |         |
| 29  | 050607190636 | Nguyễn Ngọc Tường | Vi     | 05/12/2001 | Nữ        | HQ7-GE08  | 8.12                      | 3.25 | 130   | Kế toán               | Giỏi     | K7   |         |
| 30  | 050607190248 | Phạm Ngọc Ly      | Ly     | 20/01/2001 | Nữ        | HQ7-GE09  | 8.31                      | 3.32 | 130   | Kế toán               | Giỏi     | K7   |         |
| 31  | 050607190336 | Nguyễn Vĩnh Quang | Nhật   | 04/12/2001 | Nam       | HQ7-GE02  | 8.19                      | 3.28 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 32  | 050607190288 | Nguyễn Hà Kim     | Ngân   | 16/06/2001 | Nữ        | HQ7-GE03  | 8.15                      | 3.26 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 33  | 050607190314 | Trương Bảo        | Ngọc   | 24/05/2001 | Nữ        | HQ7-GE03  | 8.00                      | 3.20 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 34  | 050607190290 | Nguyễn Kim        | Ngân   | 06/04/2001 | Nữ        | HQ7-GE10  | 7.84                      | 3.14 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 35  | 050607190381 | Nguyễn Thị        | Oanh   | 02/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE10  | 7.34                      | 2.94 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 36  | 050607190572 | Phạm Thị Huế      | Trân   | 03/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE10  | 8.01                      | 3.20 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 37  | 050607190078 | Phạm Thị Ngọc     | Diễm   | 15/09/2001 | Nữ        | HQ7-GE11  | 7.46                      | 2.99 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 38  | 050607190216 | Lâm Vĩnh          | Kỳ     | 12/04/2001 | Nam       | HQ7-GE11  | 7.75                      | 3.10 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 39  | 050607190691 | Lê Huỳnh Thanh    | Trúc   | 12/12/2001 | Nữ        | HQ7-GE11  | 7.52                      | 3.01 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 40  | 050607190114 | Lê Anh            | Đức    | 17/06/2001 | Nam       | HQ7-GE12  | 7.81                      | 3.12 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 41  | 050607190163 | Võ Duy            | Hoàng  | 19/05/2001 | Nam       | HQ7-GE12  | 8.14                      | 3.25 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 42  | 050607190219 | Nguyễn Hoàng      | Lan    | 19/08/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 6.91                      | 2.76 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 43  | 050607190249 | Đặng Thanh        | Mai    | 18/05/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.51                      | 3.00 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 44  | 050607190412 | Huỳnh Thị Cát     | Phượng | 17/07/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.99                      | 3.20 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |



| STT | Mã SV        | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|--------|------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
|     |              |                  |        |            |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |         |
| 45  | 050607190465 | Trịnh Thị        | Thanh  | 17/02/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.87                         | 3.15 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 46  | 050607190484 | Phan Thị Kim     | Thi    | 19/07/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 7.97                         | 3.19 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 47  | 030135190601 | Phan Thanh       | Trà    | 17/04/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 8.23                         | 3.29 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 48  | 050607190617 | Bùi Ngọc Cát     | Tường  | 17/10/2001 | Nữ        | HQ7-GE12  | 8.27                         | 3.31 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 49  | 050607190396 | Bạch Thị Hà      | Phương | 28/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE13  | 7.94                         | 3.18 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 50  | 050607190411 | Cao Kim          | Phượng | 25/08/2001 | Nữ        | HQ7-GE13  | 7.85                         | 3.14 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 51  | 050607190430 | Ngô Khánh        | Quỳnh  | 26/12/2001 | Nữ        | HQ7-GE13  | 7.84                         | 3.13 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 52  | 050607190531 | Nguyễn Thị Cẩm   | Tiên   | 28/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE13  | 8.00                         | 3.20 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K7   |         |
| 53  | 050607190619 | Hoàng Thu        | Uyên   | 01/07/2001 | Nữ        | HQ7-GE13  | 7.69                         | 3.07 | 130   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K7   |         |
| 54  | 050607190171 | Nguyễn Gia       | Huy    | 05/06/2001 | Nam       | HQ7-GE04  | 7.45                         | 2.98 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 55  | 050607190423 | Giang Ngọc Thanh | Quỳnh  | 01/04/2001 | Nữ        | HQ7-GE04  | 7.84                         | 3.14 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 56  | 050607190451 | Hoàng Lý Thiên   | Tân    | 03/10/2001 | Nữ        | HQ7-GE04  | 7.84                         | 3.14 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 57  | 030435190210 | Hà Ngọc Anh      | Thư    | 03/06/2001 | Nữ        | HQ7-GE04  | 7.07                         | 2.83 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 58  | 050607190172 | Nguyễn Hoàng     | Huy    | 13/03/2001 | Nam       | HQ7-GE05  | 7.91                         | 3.17 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 59  | 050607190191 | Nguyễn Văn Tuấn  | Khải   | 10/08/2001 | Nam       | HQ7-GE05  | 7.01                         | 2.80 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 60  | 050607190453 | Lê Phước         | Tấn    | 09/11/2001 | Nam       | HQ7-GE05  | 7.97                         | 3.19 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 61  | 030135190291 | Lê Đặng Mỹ       | Lộc    | 20/07/2001 | Nữ        | HQ7-GE06  | 8.20                         | 3.28 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 62  | 050607190260 | Nguyễn Lê Thảo   | Minh   | 16/02/2001 | Nữ        | HQ7-GE06  | 7.99                         | 3.19 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 63  | 050607190088 | Trần Việt        | Duy    | 21/09/2001 | Nam       | HQ7-GE07  | 7.23                         | 2.89 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 64  | 030135190749 | Huỳnh Mai        | Xuân   | 29/06/2001 | Nữ        | HQ7-GE07  | 7.87                         | 3.15 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 65  | 050607190456 | Lê Thị Hồng      | Thanh  | 01/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE14  | 8.53                         | 3.41 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 66  | 050607190459 | Nguyễn Ngọc Đan  | Thanh  | 06/01/2001 | Nữ        | HQ7-GE14  | 8.03                         | 3.21 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 67  | 050607190496 | Đoàn Thị         | Thùy   | 05/04/2001 | Nữ        | HQ7-GE14  | 7.38                         | 2.95 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 68  | 050607190056 | Trần Thị Cẩm     | Bi     | 10/11/2001 | Nữ        | HQ7-GE15  | 7.43                         | 2.97 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |



| STT | Mã SV        | Họ và tên                 | Ngày sinh  | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------------|------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
|     |              |                           |            |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |         |
| 69  | 050607190102 | Trần Ngọc Thùy Dương      | 08/06/2001 | Nữ        | HQ7-GE15  | 8.30                         | 3.32 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 70  | 050607190129 | Phạm Hồng Hà              | 06/06/2001 | Nữ        | HQ7-GE15  | 8.22                         | 3.29 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 71  | 050607190493 | Trần Thị Anh Thơ          | 07/12/2000 | Nữ        | HQ7-GE15  | 7.70                         | 3.08 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 72  | 050607190098 | Trương Nguyễn Khánh Duyên | 13/11/2001 | Nữ        | HQ7-GE16  | 7.56                         | 3.02 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 73  | 050607190184 | Nguyễn Ngọc Hữu Hưng      | 13/08/2001 | Nam       | HQ7-GE16  | 6.94                         | 2.78 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 74  | 050607190189 | Lưu Thanh Hường           | 16/01/2001 | Nữ        | HQ7-GE16  | 8.35                         | 3.34 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 75  | 050607190270 | Trương Tiểu My            | 12/08/2001 | Nữ        | HQ7-GE16  | 7.82                         | 3.13 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 76  | 050607190592 | Trần Thị Mỹ Trúc          | 12/06/2001 | Nữ        | HQ7-GE16  | 7.94                         | 3.18 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 77  | 030135190757 | Đặng Kiều Yến             | 14/02/2001 | Nữ        | HQ7-GE16  | 8.40                         | 3.36 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 78  | 050607190051 | Lê Quốc Bảo               | 24/08/2001 | Nam       | HQ7-GE17  | 7.41                         | 2.96 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 79  | 050607190095 | Phạm Nguyễn Thùy Duyên    | 19/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE17  | 7.73                         | 3.09 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 80  | 050607190118 | Bùi Thị Phương Hà         | 23/05/2001 | Nữ        | HQ7-GE17  | 7.52                         | 3.01 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 81  | 050607190229 | Nguyễn Khánh Linh         | 22/07/2001 | Nữ        | HQ7-GE17  | 8.04                         | 3.22 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 82  | 050607190331 | Lê Thị Hồng Nhân          | 16/10/2001 | Nữ        | HQ7-GE17  | 8.22                         | 3.29 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 83  | 050607190297 | Trần Thị Hương Ngân       | 26/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE18  | 8.82                         | 3.53 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K7   |         |
| 84  | 050607190472 | Lê Thị Thảo               | 31/03/2001 | Nữ        | HQ7-GE18  | 7.57                         | 3.03 | 130   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K7   |         |
| 85  | 050608200578 | Huỳnh Phú Quang           | 23/02/2002 | Nam       | HQ8-GE02  | 8.30                         | 3.32 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |         |
| 86  | 050608200217 | Tôn Nữ Hương Trân         | 25/01/2001 | Nữ        | HQ8-GE02  | 7.87                         | 3.15 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Khá      | K8   |         |
| 87  | 050608200443 | Dur Trần Xuân Minh        | 20/09/2002 | Nữ        | HQ8-GE03  | 8.16                         | 3.26 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |         |
| 88  | 050608200687 | Đỗ Phạm Minh Thư          | 20/07/2002 | Nữ        | HQ8-GE03  | 8.12                         | 3.25 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |         |
| 89  | 050608200676 | Đào Nguyễn Phương Thùy    | 15/08/2002 | Nữ        | HQ8-GE03  | 8.08                         | 3.23 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |         |
| 90  | 050608200774 | Đỗ Ngọc Quỳnh Vy          | 15/12/2002 | Nữ        | HQ8-GE03  | 8.11                         | 3.24 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |         |
| 91  | 050608200712 | Phạm Trúc Thy             | 16/09/2002 | Nữ        | HQ8-GE13  | 8.17                         | 3.27 | 123   | Quản trị kinh doanh   | Giỏi     | K8   |         |
| 92  | 050608200012 | Nguyễn Thị Vân Anh        | 02/04/2002 | Nữ        | HQ8-GE05  | 8.24                         | 3.29 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |

| STT | Mã SV        | Họ và tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập<br>toàn khóa |      |       | Ngành tốt nghiệp      | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------------------------|------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
|     |              |                         |            |           |           | Hệ 10                        | Hệ 4 | SỐ TC |                       |          |      |         |
| 93  | 050608200139 | Phạm Nguyễn Liên Sơn    | 05/05/2001 | Nam       | HQ8-GE14  | 9.42                         | 3.77 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K8   |         |
| 94  | 050608200206 | Huỳnh Thị Nhật Tiên     | 02/01/2000 | Nữ        | HQ8-GE14  | 8.31                         | 3.32 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |
| 95  | 050608200018 | Trần Thanh Quế Anh      | 26/03/2002 | Nữ        | HQ8-GE15  | 8.44                         | 3.38 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |
| 96  | 050608200750 | Trương Thành Trung      | 20/02/2002 | Nam       | HQ8-GE15  | 8.09                         | 3.24 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |
| 97  | 050608200277 | Đinh Thảo Duy           | 20/05/2002 | Nữ        | HQ8-GE16  | 8.87                         | 3.55 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |
| 98  | 050608200492 | Nguyễn Phương Hoài Ngọc | 16/05/2002 | Nữ        | HQ8-GE16  | 8.13                         | 3.25 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |
| 99  | 050608200166 | Hồ Hoàng Ngọc Trâm      | 05/05/2002 | Nữ        | HQ8-GE16  | 8.51                         | 3.40 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi     | K8   |         |
| 100 | 050608200124 | Trịnh Thảo Nhi          | 16/07/2002 | Nữ        | HQ8-GE18  | 7.91                         | 3.16 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |         |
| 101 | 050608200182 | Nguyễn Hữu Trường       | 20/08/2002 | Nam       | HQ8-GE18  | 7.82                         | 3.13 | 123   | Tài chính - Ngân hàng | Khá      | K8   |         |

Tổng cộng: 101 sinh viên ✓

